

TÍNH TẤT YẾU CỦA TƯ DUY PHỨC HỢP

PHẠM KHIÊM ÍCH^(*)

Tư duy và nghiên cứu tư duy

Tư duy có vai trò đặc biệt trong đời sống. Tư duy ảnh hưởng quyết định đến hành động. “Mọi hoạt động của con người được thực hiện *thông qua* tư duy”. Vào cuối đời, F. Engels đã xác nhận như thế trong bức thư gửi Franz Mehring ngày 14/7/1893 (1, tr.776). Trong bức thư có ý nghĩa đặc biệt này F. Engels thừa nhận “cả K. Marx và tôi đều phải chịu trách nhiệm” vì trong tác phẩm của mình Marx cũng như tôi “đều nhấn mạnh trước hết rằng những khái niệm chính trị, pháp lý và những khái niệm tư tưởng khác và những hành động do các khái niệm ấy quy định, là *bất nguồn* từ những sự kiện kinh tế, cơ sở của những khái niệm ấy”. Làm như vậy là đã coi nhẹ những phương pháp và phương thức nhờ đó những khái niệm này đã hình thành. Hơn nữa chúng “đã được hình thành một cách độc lập trong tư duy của những thế hệ trước và đã trải qua một loạt quá trình phát triển độc lập trong tư duy của những thế hệ nối tiếp nhau”. F. Engels nhấn mạnh: “Khía cạnh ấy của vấn đề, tôi cho rằng tất cả chúng ta đều đã không chú trọng đúng mức... và bao giờ cũng làm xong rồi mới thấy sai” (1, tr. 778).

Thực chất của sai lầm này là ở quan niệm đơn giản hoá về tư duy và tồn tại, coi đó là hai cực đối lập với nhau một cách cứng nhắc, “hoàn toàn không thấy được sự tác động qua lại, cố ý quên rằng một nhân tố lịch sử một khi được những nhân tố khác, xét tới cùng là nguyên

nhân kinh tế, làm nảy sinh ra thì nhân tố lịch sử đó cũng có thể tác động trở lại đến môi trường của nó, và thậm chí đến những nguyên nhân đã tạo ra nó” (1, tr. 778).

Bất chấp những lời cảnh báo của F. Engels, ngày nay nhiều người vẫn nghiên cứu tư duy theo quan điểm cũ, quan điểm quyết định luận duy vật tầm thường, phủ nhận sự tương tác, tính phức hợp của tư duy và tồn tại.

Edgar Morin đã đưa lại một quan niệm mới về tư duy và nghiên cứu tư duy: “Tư duy là phương thức cao nhất của những hoạt động tổ chức của tinh thần, mà bằng và qua ngôn ngữ, nó thiết lập quan niệm về thực tại và về cách nhìn thế giới của nó” (2, tr.286).

Edgar Morin luôn gắn tư duy với hoạt động “tổ chức tri thức” (3, Phần III, tr.323-523), hoạt động sáng tạo, năng lực đặt và giải quyết vấn đề. Ông nhấn mạnh những đặc điểm nổi bật của tư duy: “Tư duy bao quát và phát huy nhiều loại hình hay phương thức khác nhau của trí thông minh, nhưng vượt lên tất cả nhờ tầm quan trọng của thành phần phản tư, năng lực tổ chức và sáng tạo của mình. Trí thông minh giải quyết vấn đề. Tư duy cũng giải quyết vấn đề, nhưng còn đặt ra được những vấn đề sâu sắc, tổng quát, nó tự đề xuất các vấn đề không có lời giải, trong đó có những vấn đề siêu hình học (métaphysique – siêu vật lý); từng lúc nó

^(*) PGS., Viện Khoa học xã hội Việt Nam

cũng tự đặt vấn đề về hiệu lực giá trị của bản thân và giới hạn của hiệu lực đó. Tư duy càng phát triển thì càng giải quyết được các vấn đề, càng đặt vấn đề thì càng tự đặt vấn đề về chính bản thân mình” (4, phần II).

Như mọi hoạt động của tinh thần, tư duy phát triển trong và bằng việc vận dụng ngôn ngữ, trí thông minh, logic học, ý thức, và nó cũng bao gồm cả năng khiếu về quan niệm, hình dung. Như vậy là nhờ tư duy, trí thông minh con người đặt ra những câu hỏi và tự đề xuất cho mình những vấn đề, tìm kiếm lời giải, phát minh, qua đó đạt tới năng lực sáng tạo.

Nghiên cứu tư duy chủ yếu là nhằm phát huy năng lực sáng tạo đó, phát triển tư duy phê phán và sáng tạo. Đây là công việc của cả triết học lẫn khoa học. Tư duy vốn thuộc lĩnh vực triết học, nhưng không nằm gọn trong triết học, mà có ở mọi lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, đời thường, có cả ở nhà bác học, nhà tư tưởng, cũng như ở người mù chữ.

Trong thế kỷ XX người ta chứng kiến sự hình thành và phát triển tư duy phức hợp. *Tư duy phức hợp (pensée complexe)*, hay là *tư duy về tính phức hợp (penser la complexité)* gắn liền với tên tuổi của Edgar Morin và Hiệp hội do ông sáng lập (Hiệp hội Tư duy phức hợp – APC, Paris). Ông đã dày công nghiên cứu tư duy phức hợp trong nhiều tác phẩm, đặc biệt là trong cuốn sách *Nhập môn tư duy phức hợp* (5) và trong bộ *Phương pháp (La Méthode)*, gồm 6 tập) – tác phẩm chủ yếu của Edgar Morin. “Phương pháp” mà ông nói tới chính là phương pháp tiếp cận tính phức hợp, phương pháp giúp chúng ta có khả năng tư duy về tính phức hợp.

Tư duy phức hợp là tất yếu trong thời đại ngày nay. Một mặt *tư duy đơn giản hóa* ngày càng bộc lộ những bất cập, những hạn chế và sai lầm của nó, khiến cho con người bất lực không nhận ra được

tính phức hợp của thực tại, do đó dẫn tới “trí tuệ mù lòa” (5, tr.7)^(*).

Mặt khác, vào cuối thế kỉ XX đã có khả năng và trên thực tế đã hình thành một phương thức tư duy khác đủ mạnh để vượt qua sự thách thức của thực tại, đối thoại và thương thuyết với nó. Edgar Morin viết: “Bệnh lý hiện đại của tâm trí nằm ở việc siêu đơn giản hóa đang che kín tính phức hợp của thực tại... Chỉ duy có tư duy phức hợp mới khai hóa được tri thức của chúng ta mà thôi”.

Là người “cha đẻ của tư duy phức hợp” (6, tr.28), Edgar Morin đã kể lại quá trình hình thành tư duy phức hợp từ cuối những năm 1960, dưới sự tác động của lý thuyết thông tin, điều khiển học, lý thuyết hệ thống và lý thuyết tự - tổ chức như thế nào. Để xác lập cơ sở vững chắc cho tư duy phức hợp, ông đã tập trung mọi nỗ lực vào việc “triển khai *một lý thuyết, một logic, một tri thức luận về tính phức hợp để có thể nhận biết con người*” (5, tr.21-22). Mục tiêu trung tâm của tư duy phức hợp là nhận biết con người – một siêu phức hợp của tiến hóa vũ trụ.

Quan niệm về tính phức hợp

Tính phức hợp, hay *cái phức hợp (la complexité, le complexe)* được hiểu như là những gì liên kết lại với nhau, đan dệt cùng nhau. Tính phức hợp liên quan đến khối lượng khổng lồ những tương tác giữa các bộ phận cấu thành dị biệt, gắn bó hữu cơ với nhau, tạo nên “*tấm dệt chung (tissu commun)*” không thể phân cách và quy giản được. Bộ não người là một siêu phức hợp, gồm hơn 10 tỷ tế bào. Mọi hệ thống tự - tổ chức, kể cả những tổ chức đơn giản nhất cũng đều được kết hợp bởi một số lượng rất lớn các đơn vị và tương tác của chúng, lớn đến mức thách đố khả năng tính toán của chúng ta.

(*) Trong bài này các đoạn trích dẫn đều lấy ở cuốn “Nhập môn tư duy phức hợp” nếu không có chú thích riêng (P.K.I.)

Hãy nhìn tấm tranh thảm. Nó được dệt bởi những sợi lanh, tơ, bông, len, mầu sắc đủ loại. Muốn hiểu được tấm thảm này rất cần hiểu biết các định luật và nguyên tắc liên quan đến mỗi loại sợi. Nhưng tổng cộng mọi tri thức về từng loại sợi vẫn không đủ để nhận thức được chất lượng và đặc tính của tấm dệt. Ở đây các sợi không phải được bố trí ngẫu nhiên mà được *tổ chức* theo một phác thảo, một tổng thể thống nhất mà từng bộ phận phải hướng vào cái tổng thể. Giữa bức tranh và người sản xuất, doanh nghiệp, có quan hệ hữu cơ. Khi sản xuất hàng hóa, doanh nghiệp đồng thời tự sản xuất bản thân mình. Đây là thực chất của tính phức hợp.

Có hai cách hiểu không đúng về tính phức hợp:

Một là cho rằng tính phức hợp dẫn tới việc loại bỏ tính đơn giản hóa. Thật ra, làm như vậy chỉ dẫn tới sự đơn giản hóa khác mà thôi. Hơn nữa tư duy đơn giản hóa đã từng nuôi dưỡng những bước tiến lớn lao của khoa học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX. Bởi vậy việc đơn giản hóa là cần thiết, cố nhiên phải tương đối hóa nó. Tư duy phức hợp tìm cách tích hợp các phương thức tư duy đơn giản hóa, nhưng luôn khước từ những hệ quả mang tính cắt xén, quy giản, phiến diện, che khuất tính phức hợp của thực tại.

Hai là đồng nhất tính phức hợp với *tính toàn vẹn (complétude)*. Thật ra tri thức toàn vẹn là không thể có được. Cần chấp nhận nguyên lý bất toàn và bất định của tri thức. Chấp nhận tính phức hợp cũng là chấp nhận mâu thuẫn. Tư duy phức hợp mong muốn đạt đến một tri thức đa chiều, chú trọng liên kết tri thức, kết nối cái một với cái nhiều, *thống nhất trong đa dạng (unitas multiplex)*.

Tri thức luận về tính phức hợp

Sự hình thành và phát triển tư duy phức hợp đòi hỏi phải phát triển *tri thức*

luận phức hợp (épistémologie complexe), hay *tri thức luận về tính phức hợp (épistémologie de la complexité)*. Tri thức luận thường được định nghĩa như là sự khảo sát triết học về tri thức con người nói chung và tri thức khoa học nói riêng. Vì vậy tri thức luận là “lĩnh vực giáp ranh” giữa triết học với khoa học.

Trong cuộc tọa đàm giữa Edgar Morin với bảy vị giáo sư Bồ Đào Nha thuộc các bộ môn khác nhau (triết học, vật lý học, sinh học, sử học, tâm lý học xã hội, văn học) người ta hỏi: ông là ai mà lại không có tên trong danh sách các nhà triết học, cũng không đích thực là nhà khoa học? Edgar Morin trả lời: bản thân tôi cần đảm đương vị trí trung gian giữa khoa học và triết học, không đứng hẳn một bên nào, nhưng đi từ bên này sang bên kia, nỗ lực thiết lập một hoạt động giao lưu cho tôi, ở tôi và do tôi. Tôi hoàn toàn đứng ngoài cửa những phòng nghiên cứu khoa học chuyên ngành, nhưng rất quan tâm đến những ý tưởng bao hàm, hay tiềm ẩn trong các lý thuyết khoa học.

Đứng ở vị trí đặc biệt đó, Edgar Morin có điều kiện phân tích sự biến đổi về tri thức luận, dưới sự tác động của khoa học thế kỷ XX.

Khởi đầu là hai đột phá khẩu trong khuôn khổ tri thức luận của khoa học cổ điển. Đột phá khẩu vật lý học vi mô khai thông mối liên hệ phức hợp giữa người quan sát và cái được quan sát. Đột phá khẩu vật lý học vĩ mô làm cho quan sát phụ thuộc vào vị trí và tốc độ của người quan sát, phức hợp hóa các mối quan hệ giữa không gian và thời gian.

Cùng với vật lý học, sự phát triển của lý thuyết hệ thống, điều khiển học, lý thuyết thông tin, đặc biệt là lý thuyết tự tổ chức đã đưa lại những biến đổi cách mạng về tri thức luận, hình thành tri thức luận phức hợp. Edgar Morin hình dung sự phát triển này như một tên lửa ba tầng: Quan điểm hệ thống và điều

khiến học giống như tầng đầu tiên, cho phép khởi động một tầng tiếp theo là lý thuyết tự-tổ chức, rồi lý thuyết này đến lượt mình lại châm ngòi cho một tầng thứ ba, mang tính tri thức luận - tầng của những mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng. Mối quan hệ này không có tính nhị nguyên, được thể hiện bằng sự chia tách, chối bỏ, loại trừ lẫn nhau, như trong tri thức luận cổ điển.

Nhấn mạnh quan điểm tri thức luận phức hợp, Edgar Morin viết: “Như vậy quan điểm của chúng ta vừa hàm định thế giới, vừa công nhận chủ thể. Hơn nữa, nó đặt cái này và cái kia trong thế tương hỗ, gắn liền với nhau: thế giới chỉ có thể hiện hữu như nó hàng hiện hữu. Tức là chân trời rộng mở của một hệ sinh thái về hệ sinh thái, chân trời của *tự tính sự vật* (*physis*), khi có một *chủ thể tư duy* (*sujet pensant*), nấc thang phát triển sau cùng của tính phức hợp tự-tổ chức. Nhưng một chủ thể như vậy đã chỉ có thể xuất hiện trong một quá trình vật lý - với hàng nghìn công đoạn bị chi phối bởi một hệ sinh thái ngày càng phong phú và tỏa rộng - bao hàm trong đó sự phát triển của hiện tượng tự-tổ chức. Do đó chủ thể và đối tượng biểu lộ như hai sự xuất hiện cực hạn không thể tách rời nhau của mối quan hệ giữa hệ tự-tổ chức / hệ sinh thái”.

Đặc điểm quan trọng của tri thức luận phức hợp là tính nhất quán và tính hướng mở của nó. Tư duy phức hợp đòi hỏi phải có tri thức luận mở và ngược lại. Trong thời đại mà tri thức luận mang *tính sen đầm* (*épistémologie gendarme*) như hiện nay, phải nhấn mạnh rằng tri thức luận không phải là cứ điểm chiến lược cần chiếm lĩnh nhằm đặt mọi tri thức dưới quyền kiểm soát tối cao, loại bỏ mọi lý thuyết đối nghịch, và nắm độc quyền về kiểm chứng và do đó cả về chân lý. Tri thức luận không phải là giáo chủ mà cũng không phải là tòa án, nó cùng lúc là nơi trú ngụ của cái bất định và của đối hợp

logic. Thực vậy, tất cả những bất định được chúng ta đề cập đều phải mang ra đối chứng với nhau, chỉnh lý lẫn nhau, từng cái một đối thoại với nhau, mặc dù chớ bao giờ hi vọng dùng thứ băng keo tư tưởng để bịt kín hết lỗ hổng cuối cùng.

Chuẩn thức của tính phức hợp

Chuẩn thức có vai trò đặc biệt trong nhận thức và tư duy của con người. Mỗi cá nhân đều nhận thức, tư duy, hành động tùy theo những chuẩn thức đã ăn sâu trong họ. Nếu tư duy đơn giản hóa chịu sự chi phối của chuẩn thức về *tính giản đơn* (*paradigme de simplicité*) thì tư duy phức hợp hình thành và phát triển trong khuôn khổ của chuẩn thức về *tính phức hợp* (*paradigme de complexité*).

Chuẩn thức là thuật ngữ của nhà bác học Thomas S. Kuhn (*paradigm*, cũng dịch là mẫu hình, khuôn mẫu, hệ chuẩn) trong công trình nổi tiếng “*The Structure of Scientific Revolutions*” (7). Theo Thomas S. Kuhn, chuẩn thức thể hiện “toàn bộ tập hợp những niềm tin, những giá trị, những kĩ thuật v.v... mà các thành viên của một cộng đồng nhất định cùng chia sẻ” (7, tr.339). Chuẩn thức xuất hiện rồi bị thay thế bởi một chuẩn thức mới. Cách mạng khoa học chính là sự thay đổi chuẩn thức đó, cũng là sự thay đổi cái nhìn về thế giới.

Sử dụng thuật ngữ “chuẩn thức”, Edgar Morin cho rằng thuật ngữ này “chứa đựng những khái niệm cơ bản, hay những phạm trù chủ đạo của lý tính, cùng với loại hình những quan hệ logic về hút/đẩy (phép hội, phép tuyến, phép kéo theo, hay các phép tính khác) giữa những khái niệm hay phạm trù ấy” (3, tr.441).

Có thể lấy “chuẩn thức lớn của phương Tây” làm ví dụ tiêu biểu. Chuẩn thức này do Descartes (1596-1650) xác lập và đã bị áp đặt bởi những chặng đường phát triển của lịch sử châu Âu từ thế kỷ XVII. Chuẩn thức Descartes tách

rời chủ thể với khách thể, mỗi bên có một lĩnh vực riêng, một bên là triết học và nghiên cứu phân tử, bên kia là khoa học và nghiên cứu khách quan. Kiểu tách rời theo lối nhị nguyên này cứ nối dài thêm mãi, xuyên suốt mọi bộ phận khắp vũ trụ: chủ thể - khách thể, linh hồn - thể xác, tinh thần - vật chất, chất lượng - số lượng, mục đích - nguyên nhân, tình cảm - lý trí, tự do - tất yếu, tồn tại - bản chất.

Chuẩn thức trên đây của Descartes là chuẩn thức đơn giản hóa. Nó quy định các khái niệm chủ đạo theo tinh thần đối lập và xác lập quan hệ logic chia tách theo *phép tuyển (disjonction)*, tức là dứt khoát chọn một trong hai, loại trừ mọi khả năng thứ ba. Chuẩn thức đơn giản hóa là chuẩn thức thiết lập một kỷ cương, một trật tự khắp vũ trụ. Chuẩn thức này củng cố tư duy cơ giới, phá vỡ những khối tổng thể hữu cơ và tỏ ra mù lòa trước tính phức hợp của thực tại.

Đã đến lúc cần có cuộc cách mạng về chuẩn thức: “Chúng ta đang bước vào thời kỳ đích thực của cuộc cách mạng chuẩn thức sâu xa, có thể nói còn cấp tiến hơn cả cuộc cách mạng thế kỷ XVI – XVII” (5, tr. 178). Cuộc cách mạng này xác lập chuẩn thức về tính phức hợp. Một trong những nội dung cơ bản của chuẩn thức này là phải có một phương thức vận dụng logic học một cách phức hợp, nhằm khắc phục những đối chọi cổ điển theo kiểu “hoặc là hoặc là”. Nếu tư duy đơn giản hóa dựa trên quyền ngự trị của hai loại phép tính logic là *phép tuyển (disjonction)* và *phép quy giản (réduction)* mà cả hai vốn là tàn bạo và máy móc, thì các nguyên tắc của tư duy phức hợp nhất thiết sẽ là *nguyên tắc phân biệt, phép hội và phép kéo theo (principe de distinction, de conjonction et d'implication)*.

Cùng với việc vận dụng các phép tính logic học cổ điển, Edgar Morin nêu lên ba nguyên tắc mới của tư duy phức hợp: *nguyên tắc đối hợp logic, nguyên tắc hội*

quy và nguyên tắc toàn hình (principe dialogique, principe récuratif, principe hologrammatique) (5, tr.112-117).

Tư duy phức hợp do Edgar Morin khởi xướng. Nhưng xét đến cùng thì đây là sản phẩm của cả một chặng đường phát triển lịch sử, văn hóa, văn minh nhân loại. Nó thể hiện một tổng thể các quan niệm mới, tầm nhìn mới, khám phá mới, suy tư mới và mong ước của tác giả “tìm kiếm sự thống nhất giữa khoa học và lý thuyết về tính phức hợp nhân bản ở trình độ rất cao”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mác - Ăng Ghen Tuyển tập. Tập VI. H.: Sự thật, 1984.
2. Edgar Morin. Phương pháp 3. Tri thức về tri thức. Nhân học về tri thức. Lê Diên dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu. H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, 471tr.
3. Edgar Morin. Phương pháp 4. Tư tưởng. Nơi cư trú, cuộc sống, tập tính, tổ chức của tư tưởng. Chu Tiến Ánh dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu. H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, 570tr.
4. Edgar Morin. Phương pháp 5. Nhân loại về nhân loại. Bản sắc nhân loại. Chu Tiến Ánh dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu. H.: Tri thức, 2010.
5. Edgar Morin. Nhập môn tư duy phức hợp. Chu Tiến Ánh và Chu Trung Can dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu. H.: Tri Thức, 2009.
6. Phạm Khiêm Ích. Edgar Morin và triết học giáo dục. Tạp chí *Thông tin KHXH*, số 8, 2008
7. Thomas S. Kuhn. Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học. Chu Lan Đình dịch. H.: Tri thức, 2008.